



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú  
Nhuận và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2010**

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký kinh doanh số**

4103002026

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được sửa đổi nhiều lần, lần gần nhất là giấy phép điều chỉnh cấp ngày 13 tháng 4 năm 2010.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Cao Thị Ngọc Dung

Ông Nguyễn Vũ Phan

Bà Nguyễn Thị Cúc

Bà Nguyễn Thị Ngọc

Ông Đặng Phước Dừa

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

**Ban Tổng Giám Đốc**

Bà Cao Thị Ngọc Dung

Bà Nguyễn Thị Cúc

Ông Nguyễn Vũ Phan

Ông Lê Hữu Hạnh

Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

170E Phan Đăng Lưu

Quận Phú Nhuận

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 được Ban Tổng Giám đốc Công ty chấp thuận phát hành vào ngày 30 tháng 8 năm 2010 và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, và kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính Giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu liên quan khác áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-207



  
Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2010

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>1.178.252.472.267</b>	<b>982.017.730.615</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>307.533.131.502</b>	<b>274.965.948.571</b>
Tiền	111		111.633.995.752	87.772.462.002
Các khoản tương đương tiền	112		195.899.135.750	187.193.486.569
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>29.475.000.000</b>	<b>29.475.000.000</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>157.647.585.313</b>	<b>138.191.257.787</b>
Phải thu thương mại	131		44.836.565.363	39.023.700.978
Trả trước cho người bán	132		16.753.284.998	21.221.519.128
Phải thu khác	135		97.654.219.883	79.519.332.424
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.596.484.931)	(1.573.294.743)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>657.537.393.629</b>	<b>520.649.533.349</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.059.361.823</b>	<b>18.735.990.908</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.695.807.983	6.952.661.989
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.302.891.726	3.847.907.717
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		22.948.153	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		10.037.713.961	7.935.421.202
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.087.715.663.768</b>	<b>1.043.636.942.969</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>349.366.241.954</b>	<b>362.827.774.927</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	76.177.093.686	102.456.222.071
<i>Nguyên giá</i>	222		143.776.330.746	179.485.689.995
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(67.599.237.060)	(77.029.467.924)
Tài sản cố định vô hình	227	8	216.313.946.518	210.294.141.155
<i>Nguyên giá</i>	228		216.797.252.380	211.669.894.351
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(483.305.862)	(1.375.753.196)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	56.875.201.750	50.077.411.701
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>565.361.973.225</b>	<b>520.427.787.830</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		163.408.564.825	129.730.479.430
Đầu tư dài hạn khác	258		412.753.408.400	401.497.308.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>172.987.448.589</b>	<b>160.381.380.212</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	171.963.252.726	158.917.372.541
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	852.295.863	1.440.007.671
Tài sản dài hạn khác	244		171.900.000	24.000.000
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.265.968.136.035</b>	<b>2.025.654.673.584</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.154.209.813.839</b>	<b>1.023.112.370.551</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.049.607.060.542</b>	<b>905.374.950.256</b>
Vay ngắn hạn	311	14	813.732.332.256	667.924.282.992
Phải trả thương mại	312		89.807.764.886	114.450.655.153
Người mua trả tiền trước	313		1.571.727.490	5.806.792.297
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	15	28.095.147.275	18.815.119.762
Phải trả người lao động	315		7.378.518.823	4.477.600.706
Chi phí phải trả	316	16	5.985.128.696	13.638.665.427
Phải trả khác	319	17	78.612.414.239	44.565.367.975
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	18	24.424.026.877	35.696.465.944
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>104.602.753.297</b>	<b>117.737.420.295</b>
Phải trả dài hạn khác	333		64.516.170.972	65.735.259.799
Vay dài hạn	334	19	36.473.028.941	48.222.514.236
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	3.613.553.384	3.779.646.260
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.081.529.818.335</b>	<b>955.741.161.339</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.081.529.818.335</b>	<b>955.741.161.339</b>
Vốn cổ phần	411	21	399.999.210.000	399.999.210.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	425.000.790.000	425.000.790.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(7.090.000)	(7.090.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		52.461.168.576	52.698.926.954
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.704.156.577	25.704.156.577
Lợi nhuận chưa phân phối	420		178.371.583.182	52.345.167.808
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>22</b>	<b>30.228.503.861</b>	<b>46.801.141.694</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.265.968.136.035</b>	<b>2.025.654.673.584</b>

Người lập:

Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
			30/6/2010 VND	30/6/2009 VND	30/6/2010 VND	30/6/2009 VND
Tổng doanh thu	01	3	6.224.931.898.245	6.858.906.113.618	4.268.647.338.976	2.150.709.619.742
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	3	(22.953.956.662)	(15.216.081.604)	(10.199.490.930)	(6.472.551.189)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>6.201.977.941.583</b>	<b>6.843.690.032.014</b>	<b>4.258.447.848.046</b>	<b>2.144.237.068.553</b>
Giá vốn hàng bán	11	3	(5.921.750.095.791)	(6.575.240.606.235)	(4.130.783.213.492)	(2.050.072.310.847)
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>280.227.845.792</b>	<b>268.449.425.779</b>	<b>127.664.634.554</b>	<b>94.164.757.706</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	36.656.169.731	19.493.791.733	29.671.301.058	22.869.522.821
Chi phí hoạt động tài chính	22	24	(29.532.046.749)	(22.838.325.847)	(18.785.605.700)	(9.433.455.375)
Chi phí bán hàng	24		(104.458.851.902)	(95.706.052.787)	(54.018.813.111)	(46.138.448.061)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(35.650.468.128)	(25.853.196.845)	(17.357.503.956)	(14.621.542.412)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>147.242.648.744</b>	<b>143.545.642.033</b>	<b>67.174.012.845</b>	<b>46.840.834.679</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>					
Thu nhập khác	31		22.093.159.723	6.852.159.818	19.389.330.222	3.319.455.742
Chi phí khác	32		(10.370.334.206)	(262.510.419)	(10.169.266.562)	(782.942.396)
<b>Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết</b>	<b>40</b>		<b>2.382.636.059</b>	<b>5.840.353.419</b>	<b>727.808.139</b>	<b>2.407.685.858</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>161.348.110.320</b>	<b>155.975.644.851</b>	<b>77.121.884.644</b>	<b>51.785.033.883</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
			30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	25	(33.420.218.060)	(33.985.888.606)	(13.151.335.488)	(9.742.464.186)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	25	(587.711.808)	(523.415.964)	(587.711.808)	(149.674.255)
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>60</b>		<b>127.340.180.452</b>	<b>121.466.340.281</b>	<b>63.382.837.348</b>	<b>41.892.895.442</b>
<b>Phân bổ cho:</b>						
Cổ đông thiểu số	61	22	797.460.895	4.752.815.553	652.159.597	2.421.741.217
Chủ sở hữu của Công ty	62		126.542.719.557	116.713.524.728	62.730.677.751	39.471.154.225
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	3.164	3.890	1.568	1.316
Lãi suy giảm trên cổ phiếu			-	2.918	-	987

Người lập:

Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2010

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.728.284.680	15.449.322.840	21.420.892.925	893.598.500.445
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	116.713.524.728	116.713.524.728
Trích lập các quỹ	-	-	-	211.388.948	266.854.000	(1.952.238.281)	(1.473.995.333)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(84.524.065)	-	-	(84.524.065)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(369.468.396)	(369.468.396)
<b>Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2009</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.855.149.563	15.716.176.840	123.812.710.976	996.384.037.379

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Số dư ngày 1 tháng 7 năm 2009</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.855.149.563	15.716.176.840	123.812.710.976	996.384.037.379
Phát hành cổ phiếu thưởng	99.999.210.000	(99.999.210.000)	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(7.090.000)	-	-	-	(7.090.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	87.777.988.311	87.777.988.311
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.313.614.665	10.096.773.186	(51.127.507.911)	(19.717.120.060)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(104.998.818.000)	(104.998.818.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(44.500.000)	(5.850.000)	-	(50.350.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(3.747.694.338)	(3.747.694.338)
Chuyển từ quỹ vào lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(425.337.274)	-	628.488.770	203.151.496
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(102.943.449)	-	(102.943.449)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.698.926.954	25.704.156.577	52.345.167.808	955.741.161.339
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	126.542.719.557	126.542.719.557
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	130.509.333	(416.134.183)	(285.624.850)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(100.170.000)	(100.170.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(237.758.378)	(130.509.333)	-	(368.267.711)
<b>Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010</b>	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	178.371.583.182	1.081.529.818.335

Người lập:

Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2010**

	Mã	Thuyết	Sáu tháng kết	Sáu tháng kết
	số	minh	thúc ngày	thúc ngày
			30/6/2010	30/6/2009
			VND	VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>161.348.110.320</b>	<b>155.975.644.851</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		23.777.599.351	21.473.491.105
Dự phòng	03		43.029.941	(1.069.062.000)
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	8.486.340.275
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	05		(3.266.329.598)	-
Lợi nhuận từ thanh lý công ty con	05		(3.229.607.274)	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(25.024.902.475)	(7.233.322.632)
Lợi nhuận từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	05		(5.561.922.489)	-
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(2.382.636.059)	(5.840.353.419)
Chi phí lãi vay	06		28.220.506.045	21.216.453.682
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>173.923.847.762</b>	<b>193.009.191.862</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(34.946.025.585)	(95.802.192.371)
Biến động hàng tồn kho	10		(167.406.621.328)	37.549.416.356
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		47.785.378.466	(5.597.643.108)
			<b>19.356.579.315</b>	<b>129.158.772.739</b>
Lãi vay đã trả	13		(27.810.003.459)	(21.657.594.150)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(22.948.966.245)	(29.424.057.993)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.258.627.861)	(11.389.620.410)
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(43.661.018.250)</b>	<b>66.687.500.186</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã	Thuyết	Sáu tháng kết	Sáu tháng kết
	số	minh	thức ngày	thức ngày
			30/6/2010	30/6/2009
			VNĐ	VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(75.558.230.057)	(17.264.574.671)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		13.330.391.972	-
Chi đầu tư vào các công ty khác	25		(45.631.047.000)	(34.322.045.000)
Tiền thuần thu từ thanh lý công ty con	26		16.390.530.450	-
Thu từ trái phiếu chính phủ	26		-	250.000.000
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		21.983.611.164	7.233.322.632
Thu cổ tức từ các công ty liên kết	27		3.719.913.625	-
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(65.764.829.846)</b>	<b>(44.103.297.039)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Thu từ vay ngắn hạn	33		3.199.886.508.120	1.977.263.452.037
Chi trả nợ gốc vay	34		(3.034.047.902.253)	(1.860.026.275.359)
Chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	35		(2.978.376.340)	(2.081.609.000)
Chi trả cổ tức	36		(20.867.198.500)	(12.859.364.000)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>141.993.031.027</b>	<b>102.296.203.678</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>32.567.182.931</b>	<b>124.880.406.825</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>274.965.948.571</b>	<b>210.458.127.512</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>307.533.131.502</b>	<b>335.338.534.337</b>

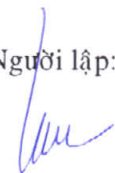
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ**

Xem Thuyết minh 11 về tài sản và nợ phải trả từ thanh lý hoạt động kinh doanh.

Người lập:



Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2010

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi nhuận của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang như va li, túi xách, ví, giày, quần áo nội địa và nước hoa, đồng hồ, mắt kính; kinh doanh hàng lưu niệm, các sản phẩm đan len, nghệ thuật, các sản phẩm thủ công; nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công; mua bán gas, bếp gas và phụ tùng máy móc, thiết bị, vật tư ngành dầu khí, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán dầu, mỡ bôi trơn, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Tập đoàn có 2.163 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.704 nhân viên).

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các yêu cầu liên quan khác. Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

*Công ty con*

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

*Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty liên kết là những đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các đơn vị này. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

*Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các đơn vị nhận đầu tư.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu; và các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng VAS 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Nếu Tập đoàn lựa chọn áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này của Tập đoàn.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng, bạc, và kim khí quý, và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, công cụ nợ và công cụ vốn chủ sở hữu của các công ty không chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hoặc Tập đoàn không có những ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bình khí đốt**

Bình khí đốt được phản ánh theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) Chi phí thuê nhà trả trước**

Chi phí thuê nhà trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê từ 1 đến 5 năm.

**(iii) Chi phí thuê đất trả trước**

Chi phí thuê đất trả trước bao gồm chi phí thuê đất trả trước và chi phí khác phát sinh cùng với việc bảo đảm sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn thuê của hợp đồng là 40 năm.

**(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo qui định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VNĐ. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

**(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(m) Nợ dài hạn khác**

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản khấu hao của bình khí đốt.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

**(ii) Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(q) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ tiền lãi chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Khoản chi thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(r) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý đó là Việt Nam.

**(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

## Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

#### 3. Báo cáo bộ phận

##### (a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất		Hợp nhất	
	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VND
Doanh thu bộ phận	5.858.528.922.375	6.547.957.520.055	270.720.465.827	220.654.784.354	109.656.282.076	96.669.022.806	(13.973.772.033)	(6.375.213.597)	6.224.931.898.245	6.858.906.113.618
Các khoản giảm trừ doanh thu của bộ phận	(22.910.703.789)	(15.195.644.453)	-	-	(43.252.873)	(20.437.151)	-	-	(22.953.956.662)	(15.216.081.604)
Giá vốn hàng bán bộ phận	(5.598.806.426.740)	(6.326.344.408.151)	(243.769.647.711)	(175.234.013.961)	(93.450.853.197)	(79.633.231.576)	14.276.831.857	5.971.047.453	(5.921.750.095.791)	(6.575.240.606.235)
Lợi nhuận gộp bộ phận	236.811.791.846	206.417.467.451	26.950.818.116	45.420.770.393	16.162.176.006	17.015.354.079	303.059.824	(404.166.144)	280.227.845.792	268.449.425.779
Kết quả bộ phận	140.641.344.338	128.446.174.997	(2.814.295.045)	14.849.320.613	1.977.634.815	3.998.846.681	313.841.654	(404.166.144)	140.118.525.762	146.890.176.147
Doanh thu không phân bổ									36.656.169.731	19.493.791.733
Chi phí không phân bổ									(29.532.046.749)	(22.838.325.847)
Mua sắm tài sản	50.893.671.023	9.049.530.145	23.319.976.633	6.116.102.100	556.266.440	2.098.942.426	-	-	74.769.914.096	17.264.574.671
Khấu hao	5.685.926.281	4.573.161.493	1.386.679.397	2.101.631.954	2.166.956.163	1.907.538.219	-	-	9.239.561.841	8.582.331.666
Phân bổ	1.919.823.251	1.856.442.471	12.204.648.315	10.940.273.956	413.565.944	94.443.012	-	-	14.538.037.510	12.891.159.439

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Hợp nhất	
	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Tài sản của bộ phận	1.402.764.753.717	1.114.609.642.578	268.366.409.093	251.568.867.381	-	109.573.375.795	1.671.131.162.810	1.475.751.885.754
Tài sản không phân bổ							594.836.973.225	549.902.787.830
							2.265.968.136.035	2.025.654.673.584
Nợ phải trả của bộ phận	(991.222.384.367)	(758.158.201.794)	(162.987.429.472)	(152.721.632.959)	-	(76.536.069.854)	(1.154.209.813.839)	(987.415.904.607)

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	11.089.946.215	11.828.104.182
Tiền gửi ngân hàng	100.544.049.537	75.944.357.820
Các khoản tương đương tiền		
▪ Tiền đang chuyển	104.035.858	457.431.129
▪ Vàng	195.795.099.892	186.736.055.440
	307.533.131.502	274.965.948.571

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, có số tiền tệ khác VND của Tập đoàn tương đương 14 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 24 tỷ VND);

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có 81 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 37 tỷ VND) bị hạn chế sử dụng cho mục đích kinh doanh vàng trên tài khoản.

**5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	30/6/2010 VND	31/12/2009 VND
Hợp đồng ủy thác đầu tư	76.024.705.657	68.440.824.976
Cho công ty An Cư Đông Á, một công ty liên kết vay	7.079.575.565	-
Phải thu từ công đoàn	-	802.479.644
Cho công ty khác vay	1.000.000.000	-
Phải thu từ các dịch vụ cầm đồ	1.933.300.000	2.044.045.000
Cho cổ đông vay	-	3.830.304.190
Phải thu cổ tức	8.603.213.800	-
Khác	3.013.424.861	4.401.678.614
	97.654.219.883	79.519.332.424

Hợp đồng ủy thác đầu tư bao gồm những khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty khác do công ty được ủy thác đại diện Tập đoàn thực hiện và được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư trên không phải ghi nhận do giá thị trường của các cổ phiếu trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cao hơn nguyên giá.

Các khoản cho một công ty liên kết vay không bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Biến động dự phòng phải thu nợ khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.573.294.743	721.092.873
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	23.190.188	911.257.776
Hoàn nhập dự phòng	-	(59.055.906)
Số dư cuối kỳ	1.596.484.931	1.573.294.743

**6. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2010 VND</b>	<b>31/12/2009 VND</b>
Hàng mua đang đi đường	5.027.663.910	89.010.500
Nguyên vật liệu	7.209.520.646	12.293.324.813
Công cụ và dụng cụ	4.683.527.603	5.408.682.532
Sản xuất kinh doanh dở dang	3.690.959.806	4.093.837.930
Thành phẩm	29.992.485.139	47.838.397.836
Hàng hóa tồn kho	565.419.322.141	442.637.079.173
Hàng gửi đi bán	41.513.914.384	8.289.200.565
	657.537.393.629	520.649.533.349



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị Văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	60.960.203.597	88.846.097.667	10.037.204.348	19.642.184.383	179.485.689.995
Tăng trong kỳ	91.913.354	4.424.335.339	540.095.193	2.740.722.732	7.797.066.618
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.090.893.409	-	-	-	9.090.893.409
Thanh lý	(860.403.449)	-	-	-	(860.403.449)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(24.813.500.249)	(24.118.729.377)	(1.158.329.683)	(1.646.356.518)	(51.736.915.827)
Số dư cuối kỳ	44.469.106.662	69.151.703.629	9.418.969.858	20.736.550.597	143.776.330.746
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	19.908.250.166	40.599.632.780	6.475.021.340	10.046.563.638	77.029.467.924
Khấu hao trong kỳ	2.156.627.948	5.058.764.246	1.119.576.329	904.593.318	9.239.561.841
Thanh lý	(352.106.075)	-	-	-	(352.106.075)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(12.388.511.376)	(4.826.478.317)	(540.848.498)	(561.848.439)	(18.317.686.630)
Số dư cuối kỳ	9.324.260.663	40.831.918.709	7.053.749.171	10.389.308.517	67.599.237.060
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư cuối kỳ	35.144.845.999	28.319.784.920	2.365.220.687	10.347.242.080	76.177.093.686
Số dư đầu kỳ	41.051.953.431	48.246.464.887	3.562.183.008	9.595.620.745	102.456.222.071

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 18.659 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 19.305 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 1.745 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 28.746 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	210.840.537.638	829.356.713	211.669.894.351
Tăng trong kỳ	-	39.612.012	39.612.012
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.143.511.017	-	23.143.511.017
Thanh lý	(9.555.765.000)	-	(9.555.765.000)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(8.500.000.000)	-	(8.500.000.000)
Số dư cuối kỳ	215.928.283.655	868.968.725	216.797.252.380
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.086.094.586	289.658.610	1.375.753.196
Phân bổ trong kỳ	177.522.282	110.567.982	288.090.264
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(1.180.537.598)	-	(1.180.537.598)
Số dư cuối kỳ	83.079.270	400.226.592	483.305.862
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối kỳ	215.845.204.385	468.742.133	216.313.946.518
Số dư đầu kỳ	209.754.443.052	539.698.103	210.294.141.155

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 tài sản cố định vô hình của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 32.738 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 17.008 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	50.077.411.701	25.124.318.854
Tăng trong kỳ	39.032.194.475	50.393.427.973
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(9.090.893.409)	(24.350.497.295)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(23.143.511.017)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.089.837.831)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>56.875.201.750</b>	<b>50.077.411.701</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 19.643 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 40.654 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của một công ty con.

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là khoản 1.189 triệu VNĐ (sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009: Không).

**10. Các khoản đầu tư**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

	<b>30/6/2010 VNĐ</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	29.475.000.000	29.475.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm tiền gửi tại ngân hàng với thời hạn gốc đến ngày đáo hạn từ ngày 24 tháng 11 năm 2009 đến ngày 24 tháng 8 năm 2010 và hưởng lãi suất năm là 0,5%. Tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp tại ngân hàng nhằm mục đích thanh toán hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư dài hạn**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư dài hạn vốn chủ sở hữu vào các công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần An Cư Đông Á (“An Cư Đông Á”) (a)	91.393.245.086	71.965.739.593
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Nhiên liệu Sài Gòn”) (b)	63.514.756.078	49.926.514.956
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina (“Hong Vina”) (c)	8.500.563.661	7.838.224.881
	163.408.564.825	129.730.479.430
Đầu tư dài hạn khác vào:		
▪ Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á	272.083.613.400	272.083.613.400
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn M&C	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa Ốc Kinh Đô	23.000.000.000	23.000.000.000
▪ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	40.833.320.000	40.833.320.000
▪ Trái phiếu chuyển đổi của Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty (d)	1.666.600.000	-
▪ Trái phiếu chính phủ	200.000.000	200.000.000
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư (e)	9.589.500.000	-
	412.753.408.400	401.497.308.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
	565.361.973.225	520.427.787.830

- a. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 30,62% vốn cổ phần của An Cư Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của An Cư Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng; cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và làm đại lý bất động sản; kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất.
- b. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 25,94% vốn cổ phần của Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty đã niêm yết được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm xăng và dầu; công cụ thương mại, dụng cụ và máy móc xăng dầu và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ; dịch vụ vận tải, cho thuê và dịch vụ xây dựng.
- c. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 35% vốn cổ phần của Hong Vina, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do Công ty Cổ phần Năng Lượng Đại Việt - công ty con do Công ty sở hữu 70% vốn nắm giữ. Hoạt động chính của Hong Vina là sản xuất và kinh doanh bình gas, bình nén khí và các linh kiện của các sản phẩm này, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì bình gas.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

- d. Khoản đầu tư dài hạn này bao gồm 8.333 trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Quốc Hương Liberty phát hành. Các trái phiếu này có mệnh giá 100.000 VND, không chịu lãi và được chuyển đổi thành cổ phiếu vào ngày 26 tháng 12 năm 2012 theo tỷ lệ chuyển đổi là 10 cổ phiếu cho 1 trái phiếu.
- e. Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện khoản tạm ứng theo hợp đồng hợp tác đầu tư – Phát triển khu đất tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty TNHH Du Lịch Festival và An Cư Đông Á, một công ty liên kết. Mục đích chính của dự án là xây dựng và khai thác, kinh doanh khu liên hợp khách sạn và căn hộ tại số 8 Hoàng Minh Giám, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, các chủ đầu tư của dự án này vẫn đang tiếp tục xin giấy phép xây dựng từ chính quyền địa phương.

Biến động đầu tư trong các công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	Sáu tháng kết thức ngày 30/6/2010 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2009 VND
Số dư đầu kỳ	129.730.479.430	79.000.021.680
Đầu tư mới trong kỳ/ năm	34.374.947.000	39.392.641.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết	3.023.052.020	11.337.816.750
Cổ tức nhận được trong kỳ/năm	(3.719.913.625)	-
Số dư cuối kỳ	163.408.564.825	129.730.479.430

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Sáu tháng kết thức ngày 30/6/2010 VND	Sáu tháng kết thức ngày 30/6/2009 VND
Số dư đầu kỳ	10.800.000.000	11.899.062.000
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.099.062.000)
Số dư cuối kỳ	10.800.000.000	10.800.000.000

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á với giá trị ghi sổ là 199 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 205 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**11. Các công ty trong Tập đoàn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	30/6/2010		31/12/2009	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Hải sản S.G	C24-24B/II, Đường số 2F, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	57,63%	57,63%
Công ty TNHH Thời trang CAO	170E Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần An Cư Đông Á	43R/12 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	30,62%	30,62%	23,36%	23,36%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	25,94%	25,94%	22,72%	22,72%
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	24,5%	24,5%	24,5%	24,5%

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty thanh lý một công ty con - Công ty Cổ phần Hải sản S.G tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, chi tiết như sau:

	<b>VNĐ</b>
<b>Tài sản thuần của công ty con tại ngày thanh lý</b>	
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.357.469.550
Các khoản phải thu	13.894.617.972
Hàng tồn kho	30.518.761.048
Tài sản ngắn hạn khác	3.276.124.090
Tài sản cố định	40.738.691.599
Tài sản dài hạn khác	605.213.560
<b>Nợ phải trả</b>	
Vay ngắn hạn	(22.953.700.000)
Phải trả thương mại	(23.620.405.022)
Nợ ngắn hạn khác	(6.220.992.884)
Nợ dài hạn	(8.826.341.898)
<b>Tài sản thuần tại ngày thanh lý</b>	<b>31.769.438.015</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	(13.882.777.578)
	<b>17.886.660.437</b>
Tiền thu được từ thanh lý	20.748.000.000
	<b>2.861.339.563</b>
Cộng:	
Quỹ đầu tư phát triển	237.758.378
Quỹ dự phòng tài chính	130.509.333
<b>Lợi nhuận thuần từ thanh lý công ty con</b>	<b>3.229.607.274</b>

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bình khí đốt VNĐ	Thuê nhà VNĐ	Chi phí thuê đất trả trước VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư đầu kỳ	146.096.960.138	7.778.260.267	1.624.963.450	3.417.188.686	158.917.372.541
Tăng trong kỳ	20.369.628.482	-	5.761.233.323	1.770.179.186	27.901.040.991
Phân bổ trong kỳ	(12.056.876.037)	(953.966.000)	(31.396.773)	(1.207.708.436)	(14.249.947.246)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(605.213.560)	(605.213.560)
Số dư cuối kỳ	154.409.712.583	6.824.294.267	7.354.800.000	3.374.445.876	171.963.252.726

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	941.363.000	941.363.000
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng trong Tập đoàn	42.773.202	630.485.010
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(131.840.339)	(131.840.339)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	825.295.863	1.440.007.671

**14. Vay ngắn hạn**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn		
▪ Bằng Đô la Mỹ	26.817.000.000	26.817.000.000
▪ Bằng VNĐ	175.783.000.000	134.815.390.570
▪ Bằng vàng	605.270.185.264	501.218.330.644
	807.870.185.264	662.850.721.214
Vay dài hạn đến hạn trả	5.862.146.992	5.073.561.778
	813.732.332.256	667.924.282.992



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, các khoản vay của Công ty bao gồm khoản 410.974 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 319.962 triệu VND) không được bảo đảm và 388.895 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 300.488 triệu VND) được bảo đảm bởi cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ là 199 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 205 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, khoản vay từ ngân hàng của công ty con bao gồm khoản 8.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 14.400 triệu VND) được bảo đảm bởi Công ty.

Khoản vay bằng Đô la Mỹ, VND và vàng chịu lãi suất trong kỳ lần lượt là 7% (2009: 6,0% đến 10,50%), từ 10,5% đến 14% (2009: 6,00% đến 15,00%) và 2,5% đến 7,9% (2009: 4,80% đến 8,70%) trong kỳ.

**15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>30/6/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.909.752.360	2.837.398.135
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.939.373.309	15.650.050.638
Thuế khác	246.021.606	327.670.989
	<hr/>	<hr/>
	28.095.147.275	18.815.119.762
	<hr/>	<hr/>

**16. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2010</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2009</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	2.978.180.779	2.567.678.193
Tiền thưởng và lương tháng 13	-	2.025.352.570
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	763.061.602	4.130.255.519
Phí kiểm toán	388.059.000	388.059.000
Thuê nhà	576.327.315	1.137.620.410
Lỗ do kinh doanh vàng trên tài khoản	-	1.794.069.934
Lỗ từ hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	1.279.500.000	1.279.500.000
Chi phí khác	-	316.129.801
	<hr/>	<hr/>
	5.985.128.696	13.638.665.427
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**17. Phải trả khác**

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí công đoàn	1.950.691.688	1.284.787.522
Bảo hiểm xã hội	71.010.349	540.544.945
Bảo hiểm y tế	361.030.880	444.854.097
Quỹ thất nghiệp	283.190	-
Cổ tức	352.526.160	21.059.613.000
Quỹ cho Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.350.830.495	6.620.466.852
Nhận ký quỹ cho kinh doanh vàng trên tài khoản thay mặt một bên thứ ba	56.225.328.593	-
Khác	15.300.712.884	14.615.101.559
	<hr/>	<hr/>
	78.612.414.239	44.565.367.975
	<hr/>	<hr/>

**18. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	<b>Sáu tháng kết</b>	<b>Năm kết thúc</b>
	<b>thức ngày</b>	<b>ngày</b>
	<b>30/6/2010</b>	<b>3/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	35.696.465.944	19.960.194.077
Tăng trong kỳ	591.528.000	29.344.950.758
Phân loại lại từ quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	424.391.306	-
Sử dụng quỹ trong kỳ/năm	(12.258.627.861)	(13.608.678.891)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(29.730.512)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	24.424.026.877	35.696.465.944
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**19. Vay dài hạn**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á		
▪ Khoản vay 1	-	10.756.900.081
▪ Khoản vay 2 (a)	894.000.000	1.098.000.000
▪ Khoản vay 3 (b)	15.000.000.000	15.000.000.000
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu		
▪ Khoản vay 4 (c)	26.441.175.933	26.441.175.933
	<hr/> 42.335.175.933	<hr/> 53.296.076.014
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(5.862.146.992)	(5.073.561.778)
	<hr/> 36.473.028.941	<hr/> 48.222.514.236

- a. Khoản vay 2 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 1.745 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.909 triệu VNĐ) và chịu lãi suất năm dao động từ 6,50% đến 8% (2009: 10,5%) trong kỳ. Các khoản vay này được hoàn trả trong 32 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 34 triệu VNĐ bắt đầu vào tháng 10 năm 2009 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 9 năm 2012.
- b. Khoản vay 3 được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 là 9.595 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 9.595 triệu VNĐ) và chịu lãi suất năm là 8% (2009: 12%) trong kỳ. Các khoản vay này được hoàn trả trong 48 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 307 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 12 năm 2012 và kỳ hoàn trả cuối cùng bao gồm số dư còn lại vào tháng 12 năm 2014.
- c. Khoản vay 4 liên quan đến khoản vay của một công ty con được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 lần lượt là 23.143 triệu VNĐ và 19.643 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2009: không và 40.654 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 15,8% đến 16,5% (2009: 10,05% đến 12%) trong kỳ. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 72 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 367 triệu VNĐ.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**20. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	3.779.646.260
Trích lập dự phòng trong kỳ	19.839.753
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(185.932.629)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.613.553.384

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2010 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, Tập đoàn đã đóng 404 triệu VNĐ (sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009: 282 triệu VNĐ) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	40.000.000	400.000.000.000	40.000.000	400.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.999.921	399.999.210.000	39.999.921	399.999.210.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(709)	(7.090.000)	(709)	(7.090.000)
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.999.212	399.992.120.000	39.999.212	399.992.120.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**22. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>Sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ</b>	<b>Năm kết thúc ngày 3/12/2009 VNĐ</b>
Số dư đầu kỳ	46.801.141.694	50.759.929.838
Lợi nhuận thuần trong kỳ/năm phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	797.460.895	15.340.366.447
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(348.833.150)	(8.153.835.365)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(3.138.488.000)	(4.092.849.000)
Giảm do hợp nhất kinh doanh	(13.882.777.578)	(7.316.439.998)
Chuyển từ quỹ	-	263.969.772
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>30.228.503.861</b>	<b>46.801.141.694</b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Sáu tháng kết thúc ngày</b>		<b>Ba tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2010 VNĐ</b>	<b>30/6/2009 VNĐ</b>	<b>30/6/2010 VNĐ</b>	<b>30/6/2009 VNĐ</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	763.853.875	578.038.632	348.238.499	332.395.797
Cổ tức	24.261.048.600	6.655.284.000	22.127.849.800	6.655.284.000
Lãi từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ đầu tư ủy thác	5.561.922.489	-	1.884.545.405	-
Lãi từ thanh lý công ty con	3.229.607.274	-	3.229.607.274	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.424.534.506	11.055.157.101	2.081.060.080	14.676.531.024
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	-	1.099.062.000	-	1.099.062.000
Doanh thu tài chính khác	415.202.987	106.250.000	-	106.250.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36.656.169.731</b>	<b>19.493.791.733</b>	<b>29.671.301.058</b>	<b>22.869.522.821</b>

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**24. Chi phí hoạt động tài chính**

	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay	28.220.506.045	21.216.453.682	18.490.532.030	8.275.250.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá	361.380.654	1.616.111.756	295.073.670	1.158.204.381
Chi phí tài chính khác	950.160.050	5.760.409	-	-
	29.532.046.749	22.838.325.847	18.785.605.700	9.433.455.375

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>				
Năm hiện hành	33.305.841.843	33.917.637.347	13.151.335.488	9.674.212.927
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	114.376.217	68.251.259	-	68.251.259
	33.420.218.060	33.985.888.606	13.151.335.488	9.742.464.186
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>				
Lỗ tính thuế đã sử dụng	-	523.415.964	-	149.674.255
Phát sinh chênh lệch tạm thời	587.711.808	-	587.711.808	-
	587.711.808	523.415.964	587.711.808	149.674.255
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	34.007.929.868	34.509.304.570	13.739.047.296	9.892.138.441

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	161.348.110.320	155.975.644.851	77.121.884.644	51.785.033.883
Thuế theo thuế suất của Công ty	40.337.027.580	38.993.911.213	19.280.471.161	12.946.258.471
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(132.325.926)	(105.080.396)	(119.456.533)	(48.613.417)
Chi phí không được khấu trừ thuế	331.688.372	449.153.341	193.069.638	344.840.461
Thu nhập miễn thuế	(6.763.926.973)	(3.398.674.855)	(5.816.920.288)	(2.540.507.965)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(97.756.463)	(1.498.255.992)	(116.714.318)	(878.090.368)
Xóa sổ thuế thu nhập hoãn lại	218.847.061	-	318.597.636	-
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	114.376.217	68.251.259	-	68.251.259
	34.007.929.868	34.509.304.570	13.739.047.296	9.892.138.441

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước như sau:

Doanh nghiệp	Thuế suất hiện hành		Ưu đãi thuế
	Thuế suất	Hiện hành	
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	25%	Không	
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	25%	Giảm 30% thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn năm 2008 và cả năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009	
Công ty TNHH Thời trang CAO	25%	Không	
Công ty Cổ phần Thủy sản S.G	15%	Giảm 50% thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014 và giảm thêm 20% thuế thu nhập trên phần lợi nhuận từ xuất khẩu.	



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lần lượt là 62.730.677.751 VNĐ và 126.542.719.557 (giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2009: 39.471.154.225 và 116.713.524.728) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông đang lưu hành là 39.999.212 (2009: 30.000.000), được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong kỳ	126.542.719.557	116.713.524.728	62.730.677.751	39.471.154.225
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	126.542.719.557	116.713.524.728	62.730.677.751	39.471.154.225

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành**

	30/6/2010	30/6/2009
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu kỳ	39.999.212	30.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại ngày 30 tháng 6	39.999.212	30.000.000

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

	Giá trị giao dịch			
	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
<b>Các công ty liên quan</b>				
<b>An Cư Đông Á</b>				
Cho công ty liên kết vay	8.000.000.000	36.993.500.000	-	32.000.000.000
Vay từ công ty liên kết	-	5.000.000.000	-	-
Mua dịch vụ	1.746.082.412	12.403.668.108	1.746.082.412	5.606.526.290
Tạm ứng	2.800.000.000	-	300.000.000	-
<b>HongVina</b>				
Mua dịch vụ	14.574.871.443	-	8.984.082.010	-
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>				
Thù lao	2.743.935.000	2.152.468.646	1.208.300.000	633.404.844

**28. Các cam kết**

**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	20.554.200.000	25.143.362.700

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	15.618.394.323	7.106.035.539
Trong vòng hai đến năm năm	25.602.830.563	15.991.273.139
Sau năm năm	6.251.430.919	4.414.989.745
	<hr/>	<hr/>
	47.472.655.805	27.512.298.423
	<hr/>	<hr/>

**29. Hợp đồng mua bán ngoại tệ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua 1.579.625 USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	<b>30/6/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn	29.587.955.875	29.587.955.875
	<hr/>	<hr/>

**30. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

**(a) Cổ tức công bố sau khi kết thúc kỳ**

Sau khi kết thúc kỳ tài chính, Công ty công bố một khoản cổ tức là 39.999.212.000 VND (tương đương với 10% cho một cổ phiếu). Số tiền phải trả chưa được trích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(b) Tăng giá trị đầu tư vào một công ty liên kết sau khi kết thúc kỳ**

Sau khi kết thúc kỳ tài chính, công ty mua thêm 1,95 triệu cổ phiếu, tăng khoản đầu tư vào một công ty liên kết, Nhiêu liệu Sài Gòn, từ 25,94% lên 49,99%.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Sáu tháng kết thúc ngày		Ba tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	5.702.166.274.473	7.019.453.780.831	4.206.698.059.181	1.895.925.527.564
Chi phí nhân công và nhân viên	63.305.680.886	60.645.829.961	36.804.392.423	23.682.720.476
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.777.599.351	21.473.491.105	11.102.577.816	8.205.400.013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.542.436.766	29.995.131.052	20.267.987.556	8.972.783.816
Chi phí khác	50.565.942.860	37.723.260.793	33.813.535.608	21.533.182.424

**32. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày kỳ này như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

	31/12/2009 (phân loại lại)	31/12/2009 (đã trình bày trước đây)
	VND	VND
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ ngắn hạn)	35.696.465.944	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (vốn chủ sở hữu)	-	35.696.465.944

Người lập:

Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc



Ngày 30 tháng 8 năm 2010

